TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **39**/2022/HNGĐ-ST Ngày 23/3/2022 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lê Thị Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 307/TLST-HNGĐ, ngày 19/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 28/02/2022, giữa:

Nguyên đơn*:* Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Ngọn Ngòi, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

* *Bị đơn*: Anh **Lê Xuân C**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hoàng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Lê Xuân C đăng ký kết hôn ngày 29/9/2017 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống chị H và anh C đều không có công việc làm ổn định, vợ chồng không có tiếng nói chung về mọi lĩnh vực, cuộc sống gia đình căng thẳng do luôn bất đồng quan điểm. Đến tháng 9/2021 thì chị H về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho

đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị H và anh C không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị H xác nhận, chị và anh C không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về vay nợ: Chị H xác nhận, chị và anh C không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh C không đến tham gia tố tụng theo thời gian triệu tập của Tòa án. Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa chị H và anh C tại nơi cư trú, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện tổ dân phố 3, phường A, thành phố T xác nhận: Anh Lê Xuân C, sinh năm 1985, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2017 anh C đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Ngọn Ngòi, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng anh C tại tổ dân phố 3, phường A một thời gian ngắn, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Yên Bái ở, đến nay chị H cư trú ở đâu thì tổ dân phố không nắm được, chị H không nhập khẩu về tổ dân phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và cũng không báo tạm trú tạm vắng. Việc Tòa án đề nghị đại diện tổ dân phố tống đạt các văn bản tố tụng cho anh C không thực hiện được vì ban ngày anh C thường xuyên vắng nhà, tối muộn mới về, đề nghị Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình chị H và anh C chung sống cùng nhau tại địa phương không thấy gia đình đề nghị Tổ hòa giải hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh C nên tổ dân phố không nắm được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh C là gì. Chị H và anh C không có con chung, về tài sản chung tại địa phương anh chị không có nhà và đất chung, ngoài ra anh chị có tài sản gì chung khác hay không thì tổ dân phố không nắm được. Về vay nợ: Chị H và anh C không vay nợ tổ chức nào tại địa phương, về vay nợ riêng tổ dân phố không nắm được.

- Tòa án nhiều lần đến nhà anh C để xác minh với gia đình về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh C, tuy nhiên nhà anh C thường xuyên đóng cửa và không có ai ở nhà.

Tại phiên tòa:

Chị Hoàng Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh C.

Anh Lê Xuân C trình trình bày: Anh C đã nghe rõ yêu cầu khởi kiện và nội dung lời khai của chị Hoàng Thị H và nội dung các biên bản xác minh Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Anh C xác nhận việc đăng ký kết hôn và quá trình chung

sống giữa anh C và chị H như chị H khai là đúng, đồng thời không có có ý kiến gì về các tài liệu HĐXX công bố tại phiên tòa. Anh C và chị H sau khi kết hôn có chung sống với nhau một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến cuối năm 2021 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của chị H, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn nên anh C nhất trí ly hôn. Quá trình chung sống anh C và chị H không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí của vụ án, anh C đề nghị HĐXX tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với chị H, anh C không phải chịu án phí.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Lê Xuân C.

Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản hòa giải tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt.

- Về việc kiểm tra việc giao nộp chứng cứ**:** Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; Bản sao: Sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh nhân dân của Hoàng Thị H, Chứng minh nhân dân Lê Xuân C, Đơn đề nghị

giải quyết vắng mặt của chị Hoàng Thị H. Nguyên đơn không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Lê Xuân C có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, tháng 9/2021 thì chị Hoàng Thị H và anh Lê Xuân C sống ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị Hoàng Thị H lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Xuân C

-Về con chung: Căn cứ lời khai của chị Hoàng Thị H, anh Lê Xuân C và kết quả xác minh tại tổ dân phố xác định, chị Hoàng Thị H và anh Lê Xuân C không có con chung. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết về việc giao người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng chị H, anh C không xác định được chị H và anh C có tài sản chung hay không. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa anh C không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh Lê Xuân C xác nhận lời khai của chị H về việc vợ chồng không có tài sản chung là đúng. Do vậy, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nhưng không có căn cứ xác định anh C và chị H có vay nợ chung, không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung của chị H và anh C, chị H và anh C đều khai vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về án phí, chị H không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị H đã nộp trong vụ án này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án, anh Lê Xuân C không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Lê Xuân C.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000135 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/3/2022, chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Tuyên Quang;
- UBND phường A, tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã B, Yên Bình, Yên Bái
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vương Minh Tân – Lê Thị Thảo	**Vương Thị Lan**